

Văn minh khu vực theo quan điểm triết học lịch sử của A.Toynbee

ThS. BUI XUÂN HÓA

Học viện Tài chính; Email: buixuanhoa@hvtc.edu.vn

Tóm tắt: Toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội hiện đại. Nó mở ra những cơ hội lớn, tạo ra những thách thức cho mỗi quốc gia. Nó đòi hỏi mỗi quốc gia cần phải hội nhập vào dòng chảy lịch sử chung nhân loại và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh của các dân tộc khác. A. Toynbee, một nhà nghiên cứu sử học nổi tiếng, đã tiến hành nghiên cứu lịch sử loài người nhờ sử dụng cách tiếp cận văn minh, tức là sử dụng khái niệm “văn minh khu vực” làm đơn vị và xuất phát điểm của cả bản thân lịch sử hiện thực, của cả nhận thức lịch sử. Bài viết làm sáng tỏ nội dung của khái niệm này trong nghiên cứu về lịch sử của ông.

Từ khóa: văn minh; văn minh khu vực; triết học lịch sử.

1. Những đóng góp quan trọng của A.Toynbee về “văn minh khu vực”

Thứ nhất, A.Toynbee đã đưa ra quan niệm xác đáng ở nhiều điểm về văn minh khu vực. Nổi tiếp quan điểm của N.Ja.Danilevsky và của O.Spengler về các loại hình lịch sử văn hóa, ông đã tổng kết các lý luận về vấn đề này và đưa ra lý luận căn bản về văn minh và lịch sử các nền văn minh khu vực trong tác phẩm *Nhận thức về lịch sử* của mình. Ông trình bày quan điểm về thực chất của những biến động diễn ra trong địa vị và sự tương tác giữa các nền văn minh khu vực ở thời hiện đại. Với A.Toynbee, các nền văn minh khu vực được hiểu là các hệ thống văn hóa lớn (siêu hệ thống văn hóa) trong vô số những hiện tượng văn hóa xã hội, hoạt động như một thể thống nhất hiện thực. Chúng không trùng hợp với nhà nước, với dân tộc hay với bất kỳ nhóm xã hội nào khác. Ranh giới của cộng đồng văn hóa đó thường vượt quá giới hạn địa lý của ranh giới dân tộc, chính trị hay tôn giáo. Theo A.Toynbee, với tư cách các siêu hệ thống lớn, các nền văn minh quyết định phần lớn những biến đổi diễn ra trên bề mặt không gian văn hóa xã hội rộng lớn của loài người, kể cả các sự kiện lịch sử và hoạt động sống của các đơn vị văn hóa xã hội nhỏ. Sự nghiên cứu sâu sắc về các đại hệ thống văn hóa cơ bản đem lại các tiêu chí vĩ mô để nghiên cứu toàn bộ thể giới văn hóa. Ông khẳng định rằng, mỗi nền văn minh khu vực đều được xây dựng trên một nguyên tắc triết học, hay trên một giá trị tối cao mà nó thực hiện trong mọi thành tố của mình ở suốt quãng đường tồn tại của mình. Mỗi siêu hệ thống văn hóa đều giữ lại tính độc đáo của mình một cách trái ngược với những biến đổi diễn ra trong các thành tố cấu thành nó. Những chuyển biến mang tính chất nội tại còn các tác động bên ngoài thúc đẩy hay cản trở chúng. Đường đời của các siêu hệ thống được thực hiện không phải một cách đơn tuyến, mà một cách có chu kỳ, có

nhịp điệu và chính ông đã tách biệt các thời kỳ trong chu kỳ tồn tại của các nền văn minh. Song, mỗi nền văn minh đều đi theo con đường của mình, trải qua các giai đoạn phát sinh, tăng trưởng, thịnh vượng, tàn tạ, sụp đổ và phục hồi. Nói cụ thể hơn, văn minh khu vực được A.Toynbee hiểu xác đáng là một bộ phận của không gian văn minh thế giới, bao gồm nhóm các dân tộc (tộc người, nhà nước) được phân biệt nhờ sự thống nhất về lợi ích kinh tế và địa chính trị, về các giá trị tinh thần (văn hóa, đạo đức, tôn giáo), về số phận lịch sử.

Thứ hai, A.Toynbee đã chỉ ra cấu trúc và cơ chế vận động của các nền văn minh khu vực với tư cách là các hệ thống xã hội lớn, hình thành dựa trên một hạt nhân trung tâm cấu thành từ các nội dung, giá trị và chuẩn tắc hay sở thích văn hóa. Về mặt cấu trúc, ông tách biệt các loại hình văn minh. Một số được hợp nhất bởi ngôn ngữ chung hay nguồn gốc dân tộc, sống bên cạnh nhau và không cấu thành một nhà nước thống nhất; số khác là các liên minh nhà nước; số thứ ba là các cộng đồng tôn giáo; số thứ tư là các hỗn hợp văn hóa xã hội của những cộng đồng ngôn ngữ, nhà nước, kinh tế và lãnh thổ khác nhau. Áp dụng sự phân loại này vào các nền văn minh hiện đại, có thể nói rằng, loại hình thứ nhất bao gồm nền văn minh Tây Âu (mặc dù ở đó không có một ngôn ngữ thống nhất); loại hình thứ hai là các nền văn minh Trung Quốc, Ấn Độ và Bắc Mỹ (mặc dù Canada là nhà nước tách biệt với Mỹ); loại hình thứ ba là nền văn minh Hồi giáo; loại hình thứ tư - các nền văn minh châu Phi, châu Đại Dương và châu Mỹ Latinh. Nền văn minh Á - Âu thuộc loại hình thứ hai, nhưng hiện nay đang trải qua giai đoạn tan rã.

Nói đến cơ chế vận động của các nền văn minh khu vực, A.Toynbee nhấn mạnh rằng, sự thống nhất cơ bản về mặt tổ chức cùng với hệ thống tập quyền của nó tạo thành hạt nhân của các nền văn minh khu vực và trở

thành cơ sở cho tồn tại của chúng, nhưng cũng có các nhóm dị loài cùng với văn hóa riêng của chúng mà thường không trùng hợp với văn hóa của cộng đồng cơ bản. Mỗi nền văn minh đều tương tác với các nhóm văn minh bên ngoài và với các yếu tố văn hóa của chúng, các yếu tố thâm nhập vào nền văn minh này và tồn tại trong nó với tư cách là sự tích tụ lại. Như vậy, “văn minh khu vực” được A. Toynbee quan niệm là thực tại sống động, tồn tại và phát triển từ hàng nghìn năm, phức tạp, đa diện, năng động, không khuôn theo các định nghĩa chính xác và đơn nghĩa⁽¹⁾. Điều này trở nên đặc biệt hiển nhiên ở cuối thế kỷ XX, khi mà các đặc điểm và các mâu thuẫn văn minh trong không gian toàn cầu được đặt lên hàng đầu, sự tương tác và sự đụng độ có thể có giữa các nền văn minh quyết định số phận tương lai của nhân loại, trở thành vấn đề then chốt của nửa đầu thế kỷ XXI.

Thứ ba, A. Toynbee đã tách biệt một số đặc điểm chung và bước ngoặt về số phận của các nền văn minh khu vực trên các giai đoạn lịch sử lớn của xã hội, của sự phát triển nhân loại như là siêu hệ thống bao gồm hàng loạt nền văn minh tương tác với nhau, trải qua những chu kỳ sống giống nhau. Nhìn từ góc độ này, cách tiếp cận của A. Toynbee là có căn cứ khi ông viết về sự thay thế có chu kỳ của các thể hệ văn minh khu vực, khi ông tách biệt ba thể hệ văn minh trong suốt con đường lịch sử.

Thứ tư, A. Toynbee đã sử dụng khái niệm “văn minh khu vực” (sau đó được áp dụng rất rộng rãi dưới hình thức này hay hình thức khác trong khoa học xã hội phương Tây hiện đại) để phản ánh theo cách của mình sự tồn tại hiện thực của các truyền thống tương đối ổn định, đặc thù trong lĩnh vực đời sống tinh thần (thường là tôn giáo) đã hình thành trong dân cư thường sinh sống trên các lãnh thổ địa lý giáp ranh và được bảo tồn trong suốt một giai đoạn lịch sử kéo dài ít hay nhiều. Khái niệm này cùng với nội dung sinh hoạt kinh tế của các dân tộc thật sự đóng vai trò một trong các đơn vị xuất phát cơ bản của lịch sử và nhận thức lịch sử, nó cho phép chủ yếu tập trung vào các hình thức sinh hoạt tư tưởng đặc thù của các quốc gia hay các nhóm dân tộc khác nhau đang nằm trên một giai đoạn phát triển lịch sử.

Thứ năm, A. Toynbee đã vạch rõ các nhân tố quy định sự tương tác giữa các nền văn minh khu vực. Theo ông, mỗi nền văn minh khu vực đều có hạt nhân trung tâm, ngoại biên và lãnh thổ tiếp giáp với các nền văn minh bên cạnh. Ông khẳng định nền tảng của văn minh khu vực có thể là tôn giáo, thống nhất về lãnh thổ, nhà nước, v.v., chúng nằm ở trên các giai đoạn lịch sử khác nhau, do vậy khó xây dựng một sự phân loại chặt chẽ, hơn nữa

là ranh giới giữa các nền văn minh khu vực (khác với ranh giới giữa các quốc gia) thường bị xoá mờ, biến đổi, thâm nhập lẫn nhau. Mặc dù vậy các nền văn minh khu vực vẫn là thực tại khách quan cần được tính đến để lý giải nhiều xu hướng trong không gian thế giới quá khứ và hiện tại. Nói đến biến động và số phận của các nền văn minh khu vực, A. Toynbee chỉ ra thực tế không thể bác bỏ là một số trở thành thủ lĩnh, số khác đánh mất địa vị thủ lĩnh, số thứ ba nằm ở ngoại biên của sự tiến bộ lịch sử thế giới. Chính quan hệ giữa các nền văn minh khu vực, khả năng và sự cần thiết ngăn chặn sự đụng độ và chuyển sang hợp tác giữa chúng sẽ trở thành vấn đề then chốt của thời hiện đại, sẽ quyết định câu trả lời cho vấn đề - loài người có hay không tồn tại trên Trái Đất. Đây là tư tưởng rất đáng lưu ý trong quan niệm của A. Toynbee.

2. Một số hạn chế nhất định trong nghiên cứu về “văn minh khu vực” của A. Toynbee

Xuất phát từ quan niệm duy vật về lịch sử, đặc biệt là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chúng ta có thể chỉ ra một số hạn chế mang tính nguyên tắc trong triết học lịch sử của A. Toynbee. Đó là:

Thứ nhất, A. Toynbee sử dụng cơ sở để phân loại các nền văn minh khu vực không phải là nguyên tắc duy vật phân loại xã hội tùy thuộc vào phương thức sản xuất và quan hệ của con người với tư liệu sản xuất, không phải là khái niệm “hình thái kinh tế - xã hội” trước hết vạch ra nội dung kinh tế nội tại của lịch sử, mà là các đặc điểm sinh hoạt tinh thần có ý nghĩa cục bộ và thứ yếu. Phân loại xã hội theo nguyên tắc tôn giáo là đặc biệt vô căn cứ. Tôn giáo, với tư cách một hình thái ý thức xã hội và do tính chất lệ thuộc của mình vào tồn tại xã hội, hoàn toàn không thể được sử dụng làm đặc điểm cơ bản về bản chất của xã hội. Chỉ trong các điều kiện lịch sử đặc thù, khi mà tôn giáo và giáo hội có thể xâm nhập đại bộ phận xã hội, thì tôn giáo có thể thống nhất chế độ hiện tồn về mặt chính trị - tư tưởng.

Thứ hai, khái niệm “văn minh khu vực”, với tư cách đơn vị cơ bản của nghiên cứu lịch sử, bị phê phán từ góc độ cách tiếp cận hệ thống. Các nền văn minh khu vực ở A. Toynbee là tập hợp những hiện tượng và khách thể văn hóa đan xen với nhau trong không gian và thời gian nhờ sự kế cận, song không liên hệ nhân quả hay bản chất với nhau, do vậy không phải là các loại hình xã hội. Không thể xem chúng là một thể thống nhất có chung nguồn gốc, sự phát triển và suy tàn. Trái ngược với khái niệm “văn minh” của A. Toynbee, khái niệm “hình thái kinh tế - xã hội” của triết học Mác hoàn toàn thỏa mãn khái niệm “hệ thống”, vì nó vạch ra những

mối liên hệ bản chất giữa các yếu tố của chỉnh thể và làm sáng tỏ mối liên hệ nhân quả sâu sắc của quá trình tương tác và phối hợp giữa các bộ phận khác nhau của chỉnh thể (cơ sở - vật chất kỹ thuật - hạ tầng kinh tế - thượng tầng kiến trúc).

Thứ ba, việc A.Toynbee sử dụng khái niệm “văn minh khu vực” làm đơn vị cơ bản của tiến trình lịch sử và của nghiên cứu lịch sử có nghĩa là bước đi đầu tiên dẫn đến chủ nghĩa tương đối và chủ nghĩa bất khả tri lịch sử dựa trên việc tuyệt đối hóa tính gián đoạn của tiến trình lịch sử. Các bước đi tiếp theo trên con đường này là xem xét số phận độc lập của các dân tộc, các nhóm, gia đình và cá nhân. Giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa bất khả tri lịch sử là xem xét những tình huống riêng biệt.

Thứ tư, theo quan niệm nêu trên về văn minh và cách tiếp cận văn minh, chúng ta nhận thấy tính vô căn cứ triết học trong quan niệm của A.Toynbee về lịch sử toàn cầu như tổng số các nền văn minh khu vực thể hiện qua việc tuyệt đối hóa cái riêng biệt trong lịch sử và coi nhẹ cái chung có ý nghĩa lịch sử toàn cầu và do vậy, xét đến cùng, có ý nghĩa quyết định. Lịch sử loài người cùng với toàn bộ phát triển đa dạng, không đồng đều và mâu thuẫn của mình vẫn thể hiện là một tiến trình toàn vẹn và có quy luật thống nhất. Thực tế đó thể hiện ở chỗ, thứ nhất, các dân tộc lần lượt trải qua các thang bậc phát triển kinh tế - xã hội có bản chất thống nhất và những quá trình chính trị - tư tưởng phù hợp với các thang bậc ấy; thứ hai, việc tăng cường những quan hệ (giao tiếp, kinh tế, chính trị, văn hóa, v.v.) đầu tiên là giữa các bộ lạc, sau đó là giữa các dân tộc diễn ra ngày càng mạnh mẽ hơn (theo nghĩa bao trùm lãnh thổ và dân cư), thì càng liên kết mạnh mẽ hơn “lịch sử” riêng biệt của các bộ lạc và các dân tộc thành một lịch sử toàn cầu thống nhất. Chính thực tế này rõ ràng phủ định lý luận của A.Toynbee về lịch sử như tổng số lịch sử của các nền văn minh khu vực.

Trên thực tế, chủ nghĩa duy vật lịch sử mở ra những khả năng phương pháp luận to lớn để sử dụng tất cả những cái hợp lý được phản ánh trong khái niệm “văn minh khu vực”. Bản thân khái niệm “văn minh” cũng không xa lạ đối với lý luận Mác. Trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, Ph.Ăngghen viết về văn minh theo nghĩa rộng: “Văn minh là thang bậc phát triển xã hội mà trên đó, phân công lao động, trao đổi hàng hóa bắt nguồn từ nó giữa những người riêng biệt và sản xuất hàng hóa hợp nhất cả hai quá trình ấy đạt tới sự thịnh vượng hoàn toàn và tạo ra bước ngoặt trong toàn bộ xã hội trước kia”⁽²⁾. Với nghĩa hẹp, khái niệm “văn minh” đôi khi được diễn đạt bằng

thuật ngữ khác, được các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác sử dụng để chỉ các loại hình xã hội đặc biệt được định vị trong không gian và thời gian. Chính với nghĩa đó mà Mác đã đặt ra vấn đề về “phương thức sản xuất châu Á”, Ăngghen nói tới “phương Đông” và các nền văn minh phương Đông riêng biệt⁽³⁾, V.I.Lênin bàn về phương Đông và “văn minh phương Tây”⁽⁴⁾. Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác không hẳn nói tới vị trí địa lý của các khu vực riêng biệt, mà chủ yếu nói tới các đặc điểm kinh tế - xã hội, lịch sử gắn liền với vị trí địa lý của chúng. Chẳng hạn, Mác phân tích các cơ cấu lịch sử xã hội cụ thể căn cứ trên các biến thể khác nhau của cùng một loại hình sở hữu (ở Ấn Độ, Mehico, Peru, v.v.)⁽⁵⁾.

Nói tóm lại, khác với phương pháp luận chủ quan chủ nghĩa và chủ biệt của A.Toynbee, hiệu quả phương pháp luận của học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội thể hiện cụ thể ở chỗ nó cho phép đồng thời xem xét toàn thể xã hội và những giai đoạn, những thang bậc phát triển riêng biệt của xã hội, cùng với đó là tính đến sự đặc thù của các khu vực riêng biệt. Phương pháp luận triết học Mác đòi hỏi phải nghiên cứu khoa học về lịch sử như “một quá trình thống nhất, hợp quy luật trong toàn bộ tính đa dạng và mâu thuẫn không lồ của mình”⁽⁶⁾.

Sự thống nhất và tính chất hợp quy luật của quá trình lịch sử được phản ánh trong học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội như học thuyết làm sáng tỏ cái thống nhất, cái chung, cái bản chất trong các cơ cấu lịch sử xã hội khác nhau. Khái niệm “địa phương” (regione) hoàn thành chức năng phương pháp luận của vòng khâu liên kết phương diện lịch sử toàn cầu với phương diện khu vực trong tồn tại và phát triển của xã hội, để khu biệt cái đặc thù với cái riêng và cái chung. Tiến hành so sánh giữa khái niệm “địa phương” với khái niệm “văn minh khu vực”, A.Toynbee xuất phát từ chỗ văn minh khu vực mang tính chất siêu hình thái. Phân tích khái niệm “văn minh khu vực”, cần đặc biệt nhấn mạnh sự hiện diện các thành tố cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong cơ cấu của khu vực và tính chất tương tác giữa chúng. Đây là khác biệt căn bản của quan niệm duy vật về lịch sử và chính nó quy định tính chất khoa học của phương pháp luận triết học lịch sử Mác-Lênin trong sự tương phản với lý luận của A.Toynbee về văn minh khu vực./

(1) A.Toynbee (2002), *Nghiên cứu về lịch sử - một cách thức diễn giải*, Nxb. Thế giới, H., tr.34 -59.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb.M., T.2, tr.173-174.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb.M., T.28, tr.221.

(4) V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb.M., T.44, tr.282.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb.M., T.46, tr.464-487.

(6) V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb.M., T.26, tr.58.